TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-PT
Ngày 08/11/2024
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Thanh

Các Thẩm phán: 1. Ông Đặng Phi Long

2. Ông Lương Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai: Ông Trần Xuân Phong - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08/11/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2024/TLPT-HNGĐ ngày 11/10/2024 về việc *"Ly hôn"*. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1743/2024/QĐ-PT, ngày 18/10/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn A, sinh năm 1973

Đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974

Đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn Đ, xã C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh Lê Tuấn A trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2000 tại UBND xã C, thị xã C (Nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên dẫn đến cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng cuộc sống chung không cải thiện được. Anh và chị T đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2016, anh chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã C, thành phố L, từ khi ly thân không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Nay anh Lê Tuấn A nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố L giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị T có 02 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 01/10/2001 và cháu Lê Tiến Th, sinh ngày 25/7/2010. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Tiến Th cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Lê Thị H đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Hiện nay anh Lê Tuấn A làm tổ trưởng tổ an ninh trật tự cơ sở thôn mức thu nhập trung bình khoảng 1.300.000 đồng/tháng, ngoài ra anh làm thuê theo thời vụ nên không có mức thu nhập ổn định.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh Lê Tuấn A không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Chị và anh Lê Tuấn A có đăng ký kết hôn ngày 26/12/2000 tại UBND xã C, thị xã C (Nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống và trong làm ăn kinh tế nên thường xuyên dẫn đến cãi chửi nhau, mặt khác, anh Lê Tuấn A không quan tâm đến vợ con. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng cuộc sống chung không cải thiện được. Chị và anh Lê Tuấn A đã sống ly thân. Đến nay anh Lê Tuấn A có đơn xin ly hôn thì chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng quan điểm của chị là không nhất trí ly hôn với anh Lê Tuấn A, chị muốn có thời gian để thoả thuận về tài sản trước khi ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lê Tuấn A có 02 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 01/10/2001 và cháu Lê Tiến Th, sinh ngày 25/7/2010. Nếu phải ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo

dục cháu Lê Tiến Th cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Lê Tuấn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Lê Thị H đã đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị T hiện nay đang làm tự do (trông trẻ tại nhà) với mức thu nhập trung bình 4.000.000 đồng/tháng

Về tài sản, công nợ chung: Do tài sản chung chưa có đầy đủ giấy tờ pháp lý nên chị có nguyện vọng tự thoả thuận với anh Lê Tuấn A, không yêu cầu Toà án giải quyết trong vụ án này.

Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cho ly hôn giữa anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị T, quan hệ hôn nhân chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Tiến Th, sinh ngày 25/7/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Tuấn A được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 17/9/2024. Bị đơn chị Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, với lý do để hai bên thỏa thuận xong về việc chia tài sản trước khi ly hôn.

Tại phiên toà nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm như đơn khởi kiện và quyết định của bản án sơ thẩm; bị đơn chị Nguyễn Thị T giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị T có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn và đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ, là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm đưa vụ án ra xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy anh Lê Tuấn A và chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 26/12/2000 tại UBND xã C, thị xã C (Nay là thành phố L), tỉnh Lào Cai trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và nuôi dạy con chung, làm ăn kinh tế, thiếu sự tôn trọng nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, mệt mỏi, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân, từ khi ly thân anh chị không ai quan tâm đến ai về tình cảm cũng như về kinh tế. Anh Lê Tuấn A đã cung cấp xác nhận của trưởng thôn về mâu thuẫn vợ chồng là đúng sự thật. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã Căn cứ khoản 1 điều 51; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Tuấn A là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 01/10/2001 và cháu Lê Tiến Th, sinh ngày 25/7/2010. Cháu Lê Thị H đã đủ 18 tuổi nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh chị xảy ra mâu thuẫn chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Tiến Th, ngày 09/8/2024 Tòa án đã hỏi ý kiến cháu Lê Tiến Th, cháu Th có nguyện vọng được ở cùng chị Nguyễn Thị T. Chị T hiện nay đang làm tự do (trông trẻ tại nhà) với mức thu nhập trung bình 4.000.000 đồng/tháng, chị T không yêu cầu anh Lê Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lê Tuấn A hiện nay đang ở cùng bố mẹ đẻ và làm tổ trưởng tổ an ninh trật tự cơ sở thôn mức thu nhập trung bình khoảng 1.300.000 đồng/tháng, ngoài ra anh làm thuê theo thời vụ nên không có mức thu nhập ổn định. Xét thấy, bản án sơ thẩm đã quyết định giao cháu Lê Tiến Th cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Lê Tuấn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại đơn kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị T cho rằng cần giải quyết việc thỏa thuận về tài sản trước khi ly hôn. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Tại cấp sơ thẩm cả nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu về giải quyết việc chia tài sản khi ly hôn, do đó việc bị đơn đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai, với lý do để hai bên thỏa thuận xong về việc chia tài sản trước khi ly hôn là không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp chị T có yêu cầu về chia tài sản chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án độc lập khác về chia tài sản chung sau khi ly hôn.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn chị Nguyễn Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 50/2024/HNGĐ-ST ngày 04/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

3. Về án phí phúc thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000754 ngày 20/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA. (Dung)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Văn Thanh